

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NINH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 770 /GPMT-UBND

Ninh Hòa, ngày 06 tháng 6 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải tại văn bản số 26/HH ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu nghỉ mát Six Senses Ninh Vân Bay và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 13.52.../TTr-TNMT ngày 29 tháng 5 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, địa chỉ tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu nghỉ mát Six Senses Ninh Vân Bay tại Núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án: Khu nghỉ mát Six Senses Ninh Vân Bay.

1.2. Địa điểm hoạt động: Núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 4200686538 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 12 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 4200686538.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp.

1.6. Quy mô của dự án: Diện tích sử dụng là 1.443.585,1 m<sup>2</sup>.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thị xã Ninh Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ninh Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thị xã Ninh Hòa.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *T.T*

**Nơi nhận (VBĐT):**

- Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Ninh Vân;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND thị xã;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*rule*  
**Lê Minh Tâm**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *770*/GPMT-UBND ngày *06* tháng *06* năm 2024 của UBND thị xã Ninh Hòa)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động tắm giặt, vệ sinh cá nhân, phục vụ ăn uống của cán bộ, công nhân viên và khách du lịch lưu trú tại dự án:

- + Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh của cán bộ nhân viên và khách du lịch.
- + Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà bếp của nhà hàng, căn tin.
- + Nguồn số 03: Nước thải từ nhà tắm, vệ sinh sàn.
- + Nguồn số 04: Nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: tại suối Cạn (khe tụ thủy) trong khuôn viên dự án Khu nghỉ mát Six Senses Ninh Vân Bay, thuộc Núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Trong khuôn viên Khu nghỉ mát Six Senses Ninh Vân Bay, Núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):

STT	Vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, $108^{\circ}15'$ múi chiếu $3^{\circ}$	X (m)	Y (m)
1	Cửa xả ra suối Cạn (khe tụ thủy) trong khuôn viên dự án	1367122	611594

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép được lưu tại bể chứa sau đó được dẫn bằng ống D60 xả ra khu vực suối Cạn (khe tụ thủy) trong khu vực dự án.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A,  $k = 1$ , cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A, k = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6	
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Các dòng nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải tắm giặt, vệ sinh, nước thải từ hệ thống cấp nước, nước thải từ nhà bếp tất cả được dẫn theo các đường ống D49, D60, D114, loại uPVC qua bể tách dầu mỡ và dẫn về hệ thống xử lý nước thải 250 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại, bể tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể thiếu khí, hiếu khí kết hợp → bể hiếu khí → bể lắng → bể chứa trung gian 1 (bể khử trùng) → Bồn lọc áp lực → bể chứa trung gian 2 → nguồn tiếp nhận tại suối Cạn (khe tự thủy) trong khuôn viên dự án.

- Công suất thiết kế: 250 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: hóa chất khử trùng (Clororamin.B) 10kg/tháng.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian, vận hành thử nghiệm: 03 tháng (bắt đầu từ tháng 6 năm 2024 và kết thúc vào tháng 8 năm 2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại phần A Phụ lục này): Tại bể điều hòa (đầu vào của hệ thống XLNT) và tại bể chứa trung gian 2 (đầu ra của hệ thống XLNT).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A, k = 1
1	pH	–	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải 03 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/01 lần.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có đồng hồ đo lưu lượng xử lý nước thải, sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2****ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2024  
của UBND thị xã Ninh Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Máy phát điện.
- Nguồn số 2: Trạm xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  
trục  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1367201,90; Y = 611451,56.
- Nguồn số 2: Tọa độ: X = 1367115,15; Y = 611592,20.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:**

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Tiếng ồn khu vực thông thường
2	70	66	-	Độ rung khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

1. Các nguồn thải phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...<sup>770</sup>.../GPMT-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2024 của  
UBND thị xã Ninh Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	20
2	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 01	20
3	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không có Clo	17 02 02	100
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	50
6	Dầu máy tàu từ hoạt động đường thủy	16 01 06	10
7	Dầu nhiên liệu và dầu Diesel thải	15 02 01	20
8	Pin, ắc quy thải	08 02 04	400
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng dầu nhớt...)	17 02 02	5
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại (phụ tùng dầu nhớt...)	18 02 01	5
<b>Tổng cộng</b>			<b>635</b>

**1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 100 tấn/năm.**

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 3,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: nền xi măng, có gờ chống tràn, tường gạch bao quanh, mái nhà lợp mái tôn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí các loại giỏ nhựa loại 20 lít (bên ngoài giả gỗ) trong khuôn viên dự án, hàng ngày được gom về tại kho lưu chứa có diện tích 18,46 m<sup>2</sup> và được đựng trong các thùng rác loại 120-240 lít có nắp đậy, cuối ngày được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.3.2. Kho lưu chứa trong nhà: Diện tích kho lưu chứa 18,46m<sup>2</sup>, nền bê tông, tường gạch bao quanh có mái che bằng tôn, cuối ngày được chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:** không.